

Bản án số: 08/2022/DSPT

Ngày: 26/12/2022

V/v: Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Th Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 18/2022/TLPT-DS ngày 20/10/2022 về “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện QV bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2022/QĐ-PT ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh BN, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Đức L, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Anh Phùng Đức T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN (có mặt).

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Th (tên gọi khác Bùi Quang Th), sinh năm 1958;

Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1959 (vắng mặt).

HKTT: Thôn G, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN.

Địa chỉ: Thôn TH, xã TB, huyện GB, tỉnh BN.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn G, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức Th -
Luật sư Thộc Văn phòng luật sư Đức Th, Đoàn luật sư tỉnh BN (có mặt).

- Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan:

1. Anh Phùng Đức T, sinh năm 1981 (có mặt).

2. Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN.

Người kháng cáo: Ông Bùi Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn L1 ông Phùng Đức L, bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Ngày 17/3/1992, vợ chồng ông được Ủy ban nhân dân xã ĐV (viết tắt L1 UBND) cấp cho 02 thửa đất L1 thửa đất số 21 và thửa đất số 22 ở thôn Núi (thường gọi L1 phố Đông Du) xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN. Theo biên bản cấp đất ở, mỗi thửa có diện tích 70m², diện tích lưu không L1 100m², phía Nam giáp đường 18 rộng 5m, phía Bắc giáp mương rộng 5m, phía Tây giáp thửa số 23 dài 34m, phía Đông giáp thửa 20 dài 34. Sau khi được cấp đất ông đã chuyển nhượng thửa đất số 22. Còn lại thửa đất số 21, do chưa có nhu cầu sử dụng nên năm 1993 vợ chồng ông cho vợ chồng ông Bùi Văn Th mượn đất để L1m nhà ở tạm, việc cho mượn đất để L1m nhà không có văn bản mà chỉ thỏa Thận bằng miệng giữa hai bên. Sau khi L1m nhà xong, vợ chồng ông Th ở một thời gian khoảng vài năm thì vào miền Nam sinh sống và cho anh Hưng Thê nhà. Năm 2012, do có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng ông đã lấy lại nhà đất cho vợ chồng con trai ở. Từ năm 2005 vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu ông Th ra Bắc để giải quyết việc trả đất nhưng đến năm 2013 ông Th mới về địa phương, UBND xã ĐV đã tiến hành hòa giải, ông Th thừa nhận vợ chồng ông kiện đòi đất L1 đúng, ông Th có đưa ra 02 phương án: Một L1 ông Th mua lại thửa đất của vợ chồng ông theo giá trị tại thời điểm năm 2013; hai L1 ông Th sẽ mua trả vợ chồng ông 01 thửa đất khác với giá trị và diện tích tương đương thửa đất vợ chồng ông cho ông Th mượn. Nhưng kể từ sau khi UBND xã hòa giải ông Th không về để thực hiện cam kết.

Trong thời gian ông Th mượn đất, do ông phải đi L1m ăn xa nhà trên tỉnh Lai Châu và tỉnh Tuyên Quang không có mặt tại địa phương nên ông Th đã tự kê khai đất ở của vợ chồng ông mang tên ông Th L1 không đúng, ông đã có đơn đề nghị Tòa án xác minh L1m rõ về vấn đề này.

Nhà trên đất hiện nay đã dột nát, bong tróc tường, trần từng mảng, có nhiều nguy cơ không an toàn cho gia đình ông. Quá trình giải quyết vụ án nhiều

năm phía vợ chồng ông Th gây khó khăn không hợp tác, vợ chồng ông Th yêu cầu vợ chồng ông phải trả cho vợ chồng ông Th giá trị nhà 01 tỷ đồng L1 quá cao, vợ chồng ông không đồng ý. Nay vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng ông Th phải bàn giao trả lại quyền sử dụng đất để vợ chồng thực hiện các quyền, Ng vụ của chủ dụng đất và chủ sở hữu tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông có trách nhiệm trả giá trị nhà theo đúng biên bản thẩm định giá tài sản của Tòa án.

Bị đơn ông Bùi Văn Th trình bày: Ông và ông Phùng Đức L L1 bạn thân thiết cùng L1m ăn buôn bán với nhau từ những năm 1980. Ông L có 01 thửa đất ở phố Đông Du, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN, thửa đất bám trục đường 18, đất chưa được cấp sổ đỏ. Do có mối quan hệ thân thiết với nhau nên khoảng tháng 8/1992, ông có hỏi ông L cho ông mượn thửa đất để L1m nhà, khi đó có anh Biển ở thôn Lầy, xã ĐV chứng kiến và anh Biển có nói: “Thôi cho thằng Th thửa đất đấy đi, đáng mấy triệu bạc chứ bao nhiêu, Th còn cho anh mấy chục cây vàng, đất cát quan trọng gì”. Nghe anh Biển nói vậy ông L đồng ý cho ông thửa đất đó để xây nhà. Sau đó, năm 1993 vợ chồng ông thống nhất L1m nhà 03 tầng đổ trần trên đất đến năm 1994 thì hoàn thành. Vợ chồng dọn đến sinh sống kể từ khi xây xong cho đến hết năm 2005. Từ tháng 8/2006 đến tháng 8/2011, gia đình ông đi L1m ăn xa nên ông L1m hợp đồng cho Thê nhà. Năm 2011, gia đình ông L không cho Thê nhà nữa mà cho vợ chồng con trai đến ở, sử dụng cùng toàn bộ giường, tủ bàn ghế. Sau đó ông L đã nhiều lần đòi ông trả lại đất. Năm 2013, ông và ông L gặp nhau để bàn bạc, thỏa Thuận về việc ông L sẽ bán cho ông thửa đất ông mượn của ông L với giá 01 tỷ đồng. Việc thỏa Thuận này có lập biên bản, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương xã ĐV, biên bản này do ông L giữ. Nội dung biên bản thỏa Thuận trong thời hạn 01 năm ông phải thanh toán trả ông L 01 tỷ đồng, tuy nhiên đến thời hạn 01 năm ông về trả tiền thì ông L đòi giá đất L1 03 tỷ đồng nên ông không đồng ý. Từ đó hai bên không có tiếng nói chung và tranh chấp cho đến bây giờ.

Hiện nay, theo hồ sơ kỹ Thật lưu tại địa phương thì thửa đất vợ chồng ông L kiện đòi L1 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích đất 138m² ở thôn Núi (thường gọi L1 phố Đông Du), xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN.

Nay ông muốn mua lại thửa đất của ông L vì thửa đất này L1 kỷ niệm của gia đình ông. Nếu không được ông yêu cầu vợ chồng ông L phải bồi hoàn cho vợ chồng ông từ 01 tỷ đồng đến 1,5 tỷ đồng.

Về căn nhà L1m trên đất, vợ chồng ông xây dựng từ năm 1993, nhà đổ trần 03 tầng, bép xây dựng phía sau thửa đất. Thửa đất có tứ cận mặt tiền 5m giáp quốc lộ 18, phía sau giáp nương, hai bên chiều dài khoảng 20m vị trí thửa đất ở thôn núi (thường gọi L1 phố Đông Du), xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN (đoạn trước đóc Đông Du). Giá trị L1m nhà tại thời điểm L1m khoảng 200.000.000 đồng,

khi L1m nhà các con của vợ chồng ông đều còn nhỏ, không đóng góp công sức gì trong việc xây nhà, ông xác định căn nhà, bệp trên đất của ông L L1 tài sản chung của vợ chồng ông.

Bà Nguyễn Thị Ng (vợ ông Th) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt. Ông Th xác định đã thông báo cho bà Ng biết về toàn bộ văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Theo ông Th cung cấp, bà Ng đồng nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông tại Tòa án, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan L1 anh Phùng Đức Trận, chị Hoàng Thị Thùy trình bày: Vợ chồng anh chị được sự đồng ý của bố mẹ L1 ông L, bà L1 đã ra ở trên nhà đất ở thôn Núi, xã ĐV, huyện QV từ năm 2012. Thời điểm đó ông Th cho anh Nguyễn Bá Hưng Thê nhà. Khi tiếp nhận nhà đất, anh Hưng có viết giấy biên nhận về việc bàn giao tài sản bao gồm nhà 03 tầng, 01 bộ xa lông nan, 01 tủ đứng, 01 tủ nằm và 02 giường, công trình phụ (buồng tắm, bình nóng lạnh hồng), 06 cánh cửa trước L1m bằng gỗ lim. Quá trình sử dụng được khoảng 02 năm, anh chị có sửa lại cửa chính, lát lại nhà tắm, lát lại sân sau, sơn lại tầng 1 và tầng 3. Việc ông Th đòi bồi hoàn số tiền 1.000.000.000 đồng tiền nhà L1 quá cao, anh chị không chấp nhận vì hiện nay nhà ở đã xuống cấp, bong tróc tường và trần gây nguy hại cho người sử dụng. Quan điểm của anh, chị đồng nhất với quan điểm của nguyên đơn.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng các Điều 105, 107, 166, 494, 496, 499 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 100, Điều 166 và Điều 170 Luật Đất đai, Điều 26, 35, 39, 146, 147, 219, 227, 235, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Đức L và bà Nguyễn Thị L1.

2. Buộc ông Bùi Văn Th (tức Bùi Quang Th), bà Nguyễn Thị Ng phải trả cho ông Phùng Đức L, bà Nguyễn Thị L1 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích 70m² ở thôn Núi (thường gọi L1 phố Đông Du), xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN để ông L, bà L1 thực hiện các quyền, Ng vụ của chủ sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ông Phùng Đức L và bà Nguyễn Thị L1 có quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích 70m² ở thôn Núi (thường gọi L1 phố Đông Du), xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN, quyền sở hữu nhà và công trình phụ trên diện tích đất 70m² nhưng có Ng vụ trả lại ông Bùi Văn Th (tức Bùi Quang Th), bà Nguyễn Thị Ng số tiền 278.424.000 đồng. Tạm giao 68m² đất lưu không cùng tài sản trên đất cho ông L, bà L1 quản lý. Trong quá trình quản lý, sử dụng ông L, bà L1 phải thực hiện các quyền, Ng vụ theo quy định của pháp luật.

Ông L, bà L1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cùng các tài sản khác gắn liền với đất đối với phần diện tích đất theo quyết định tại bản án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí thẩm định, định giá và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2022, ông Bùi Văn Th kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tuy nhiên các đương sự thỏa Thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể phía nguyên đơn do anh Phùng Đức Trận đại diện tự nguyện trả cho bị đơn do anh Bùi Văn Khanh đại diện số tiền 380.000.000 đồng; phía bị đơn đồng ý trả nguyên đơn thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích 70m² ở thôn Núi (thường gọi L1 phố Đông Du), xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN và tài sản do ông Th, bà Ng xây dựng trên thửa đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án L1 đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa Thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn Th nộp trong thời hạn luật định L1 kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ông Phùng Đức L được UBND xã ĐV giao 02 thửa đất ở thôn Núi (phố Đông Du), xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN, gồm thửa số 21 và thửa 22 diện tích sử dụng 70m²/thửa, diện tích lưu không 100m²/thửa, phía Nam giáp đường 18 rộng 5m, Bắc giáp mương rộng 5m, phía Tây giáp thửa số 23 L1 34m, phía Đông giáp thửa 20 L1 34m. Vợ chồng ông L đã thực hiện đầy đủ Ng vụ nộp lệ phí đất ở, nộp Thuế theo quy định của Nhà nước. Do không có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng ông L đã bán thửa đất số 22.

Năm 1993, vợ chồng ông L cho vợ chồng ông Bùi Văn Th, bà Nguyễn Thị Ng mượn thửa đất số 21, nay L1 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19 ở thôn Núi, xã ĐV, huyện QV để vợ chồng ông Th xây nhà. Sau khi mượn đất của ông L, vợ chồng ông Th đã xây dựng nhà 03 tầng trên thửa đất và sinh sống trên đất đến năm 2005 thì vào miền Nam sinh sống, đồng thời cho anh Nguyễn Bá Hưng Thê.

Năm 2012, do có nhu cầu về chỗ ở nên ông L đã cho vợ chồng con trai L1 Phùng Đức Trận dọn ra ở từ đó cho đến nay. Ông L nhiều lần đề nghị ông Th trả lại đất nhưng ông Th không trở về địa phương. Đến năm 2013, ông Th từ miền Nam về địa phương thì UBND xã ĐV tiến hành hòa giải giữa vợ chồng ông L với vợ chồng ông Th. Tại phiên hòa giải ngày 02/01/2013, ông Th đã thừa nhận việc vợ chồng ông L cho vợ chồng ông Th mượn đất để L1m nhà, ông Th nhất trí mua lại thửa đất của ông L với giá 01 tỷ đồng hoặc có thể sẽ mua trả ông L 01 thửa đất khác với giá trị và diện tích tương đương. Tuy nhiên, từ khi thỏa Thuận cho đến nay ông Th không thực hiện cam kết. Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Th phải trả lại tài sản L1 thửa đất trên cho vợ chồng ông.

Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Đức L, bà Nguyễn Thị L1. Buộc ông Bùi Văn Th, bà Nguyễn Thị Ng phải trả cho ông L, bà L1 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích 70m² ở thôn Núi, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Bùi Văn Th kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do biên bản cấp đất ngày 17/3/1992 của UBND xã ĐV thể hiện người được cấp L1 ông Phùng Đức L nhưng người khởi kiện vụ án L1 ông Phùng Đức L; Tòa án căn cứ vào lời khai của nguyên Chủ tịch UBND xã ĐV, nguyên Trưởng Công an xã ĐV và một số cá nhân khác không tham gia tố tụng với vai trò người L1m chứng L1 vi phạm thủ tục tố tụng; việc Tòa án áp dụng kết quả định giá tại thời điểm tranh chấp để xác định trách nhiệm của nguyên đơn hoàn trả trị giá tài sản trên đất cho ông L1 không đúng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Xem xét kháng cáo của ông Th, Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thỏa Thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể anh Phùng Đức Trận đại diện nguyên đơn tự nguyện trả cho bị đơn do anh Bùi Văn Khanh đại diện số tiền 380.000.000 đồng; phía bị đơn đồng ý trả nguyên đơn thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích 70m² ở thôn Núi (thường gọi L1 phố Đông Du), xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN và toàn bộ tài sản do ông Th, bà Ng xây dựng trên thửa đất. Xét thấy, sự thỏa Thuận của các đương sự L1 hoàn toàn tự

nguyên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn Thộc đối tượng người cao tuổi nên theo qui định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 105, 107, 166, 494, 496, 499 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 100, Điều 166 và Điều 170 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Đức L và bà Nguyễn Thị L1.

Công nhận sự thỏa Thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Buộc ông Bùi Văn Th (tên gọi khác Bùi Quang Th), bà Nguyễn Thị Ng phải trả cho ông Phùng Đức L, bà Nguyễn Thị L1 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích 70m² ở thôn Núi (phố Đông Du), xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN để ông L, bà L1 thực hiện các quyền, Ng vụ của chủ sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

Ông Phùng Đức L và bà Nguyễn Thị L1 có quyền sử dụng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích 70m² ở thôn Núi, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN, quyền sở hữu nhà và công trình phụ trên diện tích đất 70m² nhưng có Ng vụ trả lại ông Bùi Văn Th (tức Bùi Quang Th), bà Nguyễn Thị Ng 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng). Tạm giao 68m² đất lưu không cùng tài sản trên đất cho ông L, bà L1 quản lý. Trong quá trình quản lý, sử dụng ông L, bà L1 phải thực hiện các quyền, Ng vụ theo quy định của pháp luật.

Ông L, bà L1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cùng các tài sản khác gắn liền với đất và thực hiện các Ng vụ đối với Nhà nước (nếu có).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phùng Đức L, bà Nguyễn Thị L1, ông Bùi Văn Th (Bùi Quang Th), bà Nguyễn Thị Ng.

Ông Bùi Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Th 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai Th số 0005149 ngày 10/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QV.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện QV;
- Chi cục THADS huyện QV;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tính